

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**KHU VỰC 15 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 12/2025/LĐ-ST

Ngày: 12/9/2025

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh - Cán bộ hưu trí

2. Ông Hoàng Minh Tuấn - Nguyên Chuyên viên Liên đoàn Lao động thành phố Thủ Dầu Một.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh** ham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 13/2025/TLST- LĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐST- LĐ ngày 12/8/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ H, Khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. SĐT: 0937.716.224.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH K; địa chỉ: Số C, Lô C, Đường số A, Khu công nghiệp S, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Bà Tô Thi Thu H, sinh năm 1969, địa chỉ: Số C, Lô C, Đường số A, Khu công nghiệp S, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền ngày 11/8/2025), có đơn vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đào Lâm H1, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ H, Khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn vắng mặt.

**NHẬN THẤY:**

***- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:***

Năm 2008, ông Nguyễn Minh T đi nghĩa vụ quân sự nên có cho em họ là Đào Lâm H1 (thời điểm này chưa đủ tuổi lao động) mượn CMND đi làm tại Công ty TNHH K - Số C, lô CN5, Đường số A, khu công nghiệp S, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H1 làm tại Công ty TNHH K từ tháng 10/2008 đến 02/2010, công ty có ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội cho ông H1 theo quy định, nhưng trên danh nghĩa là đóng BHXH mã số: 7408318357 cho ông T.

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ vào năm 2011, ông T đi làm tại Công ty TNHH S, địa chỉ: Đường số G, khu V, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 10/2011 đến nay có đóng BHXH với mã số: 7411281217. Do 02 mã số BHXH 7408318357 và 7411281217 đều mang ông Nguyễn Minh T nên bị trùng nhau.

Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy hợp đồng lao động được ký giữa ông Nguyễn Minh T và Công ty TNHH K và hủy kết quả đóng BHXH đối với mã số: 7408318357, từ tháng 10/2008 - 02/2010 cho ông T.

Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/8/2025 của Tòa án, ông T trình bày: Do trước đây ông T không am hiểu pháp luật nên ông T làm đơn khởi kiện không đúng quy định pháp luật. Nay, ông T đề nghị được thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu Tòa án tuyên bộ hợp đồng lao động từ thời gian tháng 10/2008 – tháng 02/2010 giữa ông T và Công ty TNHH K vô hiệu. Về xử lý hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Ông T yêu cầu Tòa án buộc Công ty K và cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết quyền, nghĩa vụ và lợi ích của ông T và ông Đào Lâm H1 theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

***- Tại Bản tự khai đề ngày 12/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn bà Tô Thị Thu H2 trình bày:***

Công ty TNHH K thừa nhận khoảng thời gian từ tháng 10/2008 - tháng 02/2010, Công ty K có ký kết hợp đồng lao động với ông Nguyễn Minh T. Sau khi ông T nghỉ làm tại Công ty K, công ty đã chốt sổ bảo hiểm và trả sổ cho ông T theo quy định của Bộ luật Lao động. Do thời gian đã lâu, ông T làm việc tại công ty không nhiều nên công ty không còn lưu giữ hồ sơ xin việc, hồ sơ lao động của ông T tại công ty.

Hiện nay, ông T khởi kiện và trình bày người làm việc tại công ty K không phải ông T mà là ông Đào Lâm H1 thì công ty mới biết. Nếu thật sự có sự việc trên thì công ty K cũng xin nhận 01 phần lỗi vì khi tuyển dụng lao động không xem xét kỹ hồ sơ do người lao động nộp.

Công ty K đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

***- Tại Bản tự khai đề ngày 12/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Lâm H1 trình bày:***

Tháng 10/2008, ông H1 có mượn hồ sơ của ông T để đi làm tại Công ty K, đến tháng 02/2020 thì nghỉ làm tại Công ty K.

Ông H1 thống nhất ý kiến trình bày nêu trên của ông T, đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

***Tại phiên tòa,***

- Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt các đương sự trên.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn địa chỉ trụ sở tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh (quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không nhận định về thời hiệu khởi kiện, xác định tranh chấp này thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T, bị đơn Công ty TNHH K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Lâm H1 trình bày thống nhất nhau về việc ông H1 mượn hồ sơ cá nhân của ông T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K, làm việc từ tháng 10/2008 - 02/2010 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ. Sự thừa nhận, thống nhất của các đương sự là tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, theo thông tin do Bảo hiểm xã hội cơ sở T2 cung cấp tại Công văn số 412/CV-BHXXH ngày 18/8/2025 thì ông Đào Lâm H1 làm việc tại Công ty TNHH K (với hồ sơ ông Nguyễn Minh T), có tham gia đóng BHXH với mã số 7408318357 từ tháng 10/2008 - 04/2010. Vì vậy, Tòa án căn cứ thông tin do BHXH cơ sở T2 cung cấp để giải quyết vụ án.

Xét thấy: Ông H1 sử dụng hồ sơ lý lịch nhân thân của ông T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K là không đúng chủ thể trong giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động

năm 1994 (nay Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019), vi phạm điều cấm của pháp luật nên Tòa án không được tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 206 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ các điều 128, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là các điều 123, 127 Bộ luật Dân sự năm 2015) quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật và do bị lừa dối và điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, Tòa chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, tuyên bố hợp đồng lao động giao kết từ tháng 10/2008 - 4/2010 giữa Công ty TNHH K và ông Nguyễn Minh T (do Đào Lâm H1 ký kết) vô hiệu.

Về xử lý hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết quyền, nghĩa vụ và lợi ích của ông T, ông H1 theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH K phải chịu án phí đối với vụ án tranh chấp lao động không có giá ngạch. Ông T được nhận lại số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng trước đây theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 92, 147, 266, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 49, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

- Căn cứ các điều 128, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 123, 127 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T đối với bị đơn Công ty TNHH K về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết từ tháng 10/2008 - 04/2010 giữa Công ty TNHH K và ông Nguyễn Minh T (do Đào Lâm H1 ký kết) vô hiệu.

Cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết quyền, nghĩa vụ và lợi ích của ông T, ông H1 và Công ty TNHH K theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

**2. Về án phí lao động sơ thẩm:**

Công ty TNHH K chịu số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Ông T được nhận lại số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002139 ngày 07/7/2025 của T1 ành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh

**3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND KV15-TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**